| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** |
| Số: 336/2020/QĐ-PT | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI**
**QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: Ông Trương Việt Hồng;

Bà Phạm Thị Kim.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 843/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào khoản 3 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở: đường D, Phường E, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Đức D, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ Ngân hàng TMCP S.

2. Ông Trần Đức T, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S (Nhận ủy quyền lại).

*Bị đơn:* Ông Lâm P; sinh năm: 1974;

Địa chỉ thường trú: TK35/11, đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 32, đường S, Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 17 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải

quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 843/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận U.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận U kháng nghị yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 843/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận U.

## XÉT THẤY:

[1] Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ nộp kèm đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Lâm P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/4/2018 là 335.173.909 đồng theo các hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 16/9/2010 và 27/8/2012 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với ông Lâm P.

[2] Xét Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 804/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận U, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Ông Lâm P có ký các hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 16/9/2010 và 27/8/2012 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Khi ký kết hợp đồng ông Lâm P có địa chỉ thường trú tại địa chỉ TK35/11, đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ chỗ ở hiện tại tại thời điểm ký kết là số 32, đường S, Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh ngày 23/10/2019, Công an phường N xác nhận: *ông Lâm P có hộ khẩu thường trú tại TK35/11, đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay không còn sinh sống tại địa chỉ trên, chuyển về đâu không rõ* và tại kết quả xác minh ngày 23/10/2019, Công an phường T xác nhận: *trước đây ông Lâm P có hộ khẩu thường trú tại số 32, đường S, Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nhà tại Số 32 đã bán, ông Phú chuyển đi đâu không rõ.* Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn Lâm P có thường trú, tạm trú tại địa chỉ đúng như địa chỉ ghi trong hợp đồng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng hiện tại bị đơn không còn cư trú và đi đâu không rõ. Do đó, có cơ sở xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại số 32, đường S, Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi địa chỉ tại số 32, đường S, Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới;* đồng thời tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 04 năm 2017 cũng quy định: *"Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú,*

*làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan"*. Tòa án nhân dân Quận U đã thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại đoạn 1 điểm e khoản 1 Điều 192, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP và không vi phạm thẩm quyền. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điểm đ, e khoản 2 Điều 189; Điều 192; điểm h khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP để đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[2.3] Từ những nhận định trên thấy rằng, kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận U là có căn cứ, Hội đồng phúc thẩm chấp nhận, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi tiếp tục giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận U; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 843/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận U để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0064583 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi tiếp tục giải quyết vụ án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND Quận U;
- VKSND Quận U;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trần Thị Tuyết Loan**

CĂN CỨ PHÁP LÝ THAM KHẢO:

[2.] Theo quy định về các trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sau khi đã thụ lý vụ án, tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự có nội dung như sau:

*"1. Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:…*

*g) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật này mà Tòa án đã thụ lý;*

*h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật".*

Tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

*"e) Người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán quy định tại khoản 2 Điều 193 của Bộ luật này.*

*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.*

*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện không ghi đầy đủ, cụ thể hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không sửa chữa, bổ sung theo yêu cầu của Thẩm phán thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện;".*

Khoản 2 Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

*"2. Trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiếp tục việc thụ lý vụ án; nếu họ không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện".*

Tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sau đây viết tắt là Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP) có quy định về một số nội dung có liên quan đến việc giải quyết vụ việc như sau:

***"Điều 5. Về địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

*1. "Địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan" quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được xác định như sau:*

*a) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống thì nơi cư trú của họ là địa chỉ chỗ ở hợp pháp mà người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường trú hoặc tạm trú hoặc đang sinh sống theo quy định của Luật cư trú;*

*b) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thì nơi cư trú của họ được xác định theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;*

*c) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài, người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài thì nơi cư trú của họ được xác định căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp hoặc theo tài liệu, chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận;*

*d) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức có quốc tịch Việt Nam thì địa chỉ của cơ quan, tổ chức được xác định là nơi cơ quan, tổ chức đó có trụ sở chính hoặc chi nhánh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;*

*Trường hợp cơ quan, tổ chức có quốc tịch nước ngoài thì địa chỉ của cơ quan, tổ chức được xác định căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp hoặc theo tài liệu, chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận.*

*2. Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

*3. Địa chỉ "nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm **đ, e khoản 4 Điều 189** Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh.*

***Điều 6. Xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

*1. Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết này thì Tòa án phải nhận đơn khởi kiện và xem xét thụ lý vụ án theo thủ tục chung.*

*2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

*a)* ***Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở"****. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*

*b) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở". Trường hợp cơ quan, tổ chức thay đổi trụ sở mà không công bố công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*

*c) Trường hợp* ***không thuộc điểm a, b khoản 2 Điều này*** *mà Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng nguyên đơn không cung cấp được thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không xác định được địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.*

*Trường hợp sau khi thụ lý vụ án mà phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cung cấp địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đó. Nếu nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không cung cấp được địa chỉ thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không xác định được địa chỉ thì đình chỉ giải quyết đối*

*với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đó theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 3 Điều này".*

**** Tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:***

***"Điều 189. Hình thức, nội dung đơn khởi kiện***

*1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện phải làm đơn khởi kiện.*

*2. Việc làm đơn khởi kiện của cá nhân được thực hiện như sau:*

*a) Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, cá nhân đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;*

*b) Cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;*

*c) Cá nhân thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này là người không biết chữ, người khuyết tật nhìn, người không thể tự mình làm đơn khởi kiện, người không thể tự mình ký tên hoặc điểm chỉ thì có thể nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện và phải có người có đủ năng lực tố tụng dân sự làm chứng. Người làm chứng phải ký xác nhận vào đơn khởi kiện.*

*3. Cơ quan, tổ chức là người khởi kiện thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ của người khởi kiện phải ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức và họ, tên, chức vụ của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức phải ký tên và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó; trường hợp tổ chức khởi kiện là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.*

*4. Đơn khởi kiện phải có các nội dung chính sau đây:*

*a) Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện;*

*b) Tên Tòa án nhận đơn khởi kiện;*

*c) Tên, nơi cư trú, làm việc của người khởi kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người khởi kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có).*

*Trường hợp các bên thỏa thuận địa chỉ để Tòa án liên hệ thì ghi rõ địa chỉ đó;*

*d) Tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền và lợi ích được bảo vệ là cá nhân hoặc trụ sở của người có quyền và lợi ích được bảo vệ là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có);*

*đ) Tên, nơi cư trú, làm việc của người bị kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người bị kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có). Trường hợp không rõ nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của người bị kiện thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người bị kiện;*

*e) Tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân hoặc trụ sở của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có).*
*Trường hợp không rõ nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
*g) Quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm; những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
*h) Họ, tên, địa chỉ của người làm chứng (nếu có);*
*i) Danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện.*
*5. Kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Trường hợp vì lý do khách quan mà người khởi kiện không thể nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì họ phải nộp tài liệu, chứng cứ hiện có để chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Người khởi kiện bổ sung hoặc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ khác theo yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án".*

**** Tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:***

***"Điều 40. Nơi cư trú của cá nhân***

1. *Nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó thường xuyên sinh sống.*
2. *Trường hợp không xác định được nơi cư trú của cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này thì nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó đang sinh sống.*
3. *Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới".*